

## MỤC LỤC

Trang phụ bìa	Trang
Lời cam đoan	
Mục lục	
Danh mục các ký hiệu, các chữ viết tắt,	
Danh mục các Bảng số liệu, các Biểu dữ liệu,	
Danh mục các hình minh hoạ, đồ thị, công thức xác định.	
<b>MỞ ĐẦU</b>	<b>1</b>
<b>CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ VỐN TỰ CÓ CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI.</b>	<b>4</b>
<b>1.1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ VỐN TỰ CÓ CỦA NHTM.</b>	<b>4</b>
1.1.1. Khái quát về vốn tự có của NHTM.	4
1.1.2. Cấu thành vốn tự có của NHTM.	7
1.1.3. Các đặc trưng của vốn tự có của NHTM.	9
1.1.4. Các chức năng cơ bản của vốn tự có của NHTM.	10
<b>1.2. YÊU CẦU ĐẢM BẢO AN TOÀN VỐN TRONG HĐKD NGÂN HÀNG.</b>	<b>12</b>
1.2.1. Quy định chung về chế độ an toàn vốn.	13
1.2.2. Những thay đổi về các chuẩn mực đánh giá an toàn vốn.	17
1.2.3. Các quy định pháp luật điều chỉnh các chuẩn mực đánh giá an toàn vốn.	21
1.2.4. Các yếu tố tác động đến các chuẩn mực đánh giá an toàn vốn.	30
1.2.5. Xu hướng đổi mới các chuẩn mực đánh giá an toàn vốn.	33
<b>1.3. NHIỆM VỤ, NỘI DUNG, MÔ HÌNH VÀ ĐIỀU KIỆN QUẢN LÝ VTC TRONG HĐKD CỦA NHTM.</b>	<b>35</b>
1.3.1. Nhiệm vụ quản lý vốn tự có của NHTM.	36
1.3.2. Nội dung quản lý vốn tự có của NHTM.	36
1.3.3. Các mô hình quản lý vốn tự có của NHTM.	37
1.3.4. Điều kiện quản lý vốn tự có của NHTM.	46
<b>1.4. VAI TRÒ QUẢN LÝ RỦI RO VÀ THU NHẬP TRONG QUẢN LÝ VTC CỦA NHTM.</b>	<b>47</b>
1.4.1. Vai trò của quản lý rủi ro.	47

1.4.2. Vai trò của quản lý thu nhập.	51
1.4.3. Vai trò của quản lý tổng hợp rủi ro và thu nhập.	52
<b>1.5. NHỮNG BÀI HỌC KINH NGHIỆM RÚT RA TỪ QUẢN LÝ VỐN TỰ CÓ NGÂN HÀNG Ở CÁC</b>	
<b>NƯỚC TRONG KHU VỰC VÀ TRÊN THẾ GIỚI.</b>	56
1.5.1. Những kinh nghiệm quản lý vốn tự có ngân hàng ở tầm vĩ mô.	56
1.5.2. Những kinh nghiệm quản lý vốn tự có ngân hàng ở tầm vi mô.	61
1.5.3. Bài học kinh nghiệm quản lý vốn tự có cho hoạt động ngân hàng tại Việt Nam.	63
<b>KẾT LUẬN CHƯƠNG 1</b>	64
<b>CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG QUẢN LÝ VỐN TỰ CÓ</b>	
<b>TẠI CÁC NHTMCP TP.HCM.</b>	65
<b>2.1. THỰC TRẠNG QUẢN LÝ VỐN TỰ CÓ CỦA CÁC NHTM TẠI VIỆT NAM.</b>	65
2.1.1. Bối cảnh kinh tế trước yêu cầu chuẩn hoá an toàn vốn tự có.	65
2.1.2. Đặc thù hoạt động của các NHTM tại Việt Nam.	67
2.1.3. Đánh giá chung tình hình đầu tư vốn vào các NHTM tại Việt Nam.	68
<b>2.2. THỰC TRẠNG QUẢN LÝ VỐN TỰ CÓ TẠI CÁC NHTMCP TP.HCM.</b>	71
2.2.1. Thực trạng chung về quản lý vốn tự có tại các NHTMCP TP.HCM.	71
2.2.2. Phân tích năng lực tài chính của các NHTMCP TP.HCM.	83
2.2.3. Phân tích hiệu quả áp dụng các chuẩn mực đánh giá vốn tự có an toàn theo quy định của BIS tại NHTMCP Á Châu (ACB).	100
<b>2.3. NHỮNG KẾT QUẢ VÀ HẠN CHẾ TRONG QUẢN LÝ VỐN TỰ CÓ TẠI CÁC NHTMCP TP.HCM</b>	104
2.3.1. Những kết quả đạt được.	104
2.3.2. Những hạn chế trong quản lý vốn tự có tại các NHTMCP TP.HCM.	105
<b>2.4. NHỮNG NGUYÊN NHÂN CHỦ YẾU CỦA TỒN TẠI TRONG QUẢN LÝ VỐN TỰ CÓ TẠI CÁC</b>	
<b>NHTMCP TP.HCM.</b>	108
<b>KẾT LUẬN CHƯƠNG 2</b>	114
<b>CHƯƠNG 3: ĐỔI MỚI QUẢN LÝ VỐN TỰ CÓ TẠO MÔI TRƯỜNG</b>	
<b>CẠNH TRANH LÀNH MẠNH CHO CÁC NHTMCP TP.HCM.</b>	115

<b>3.1. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN VÀ ĐỔI MỚI QUẢN LÝ VỐN TỰ CÓ ĐỐI VỚI CÁC NHTMCP TP.HCM GIAI ĐOẠN TỪ 2007 – 2020.</b>	115
3.1.1. Nhu cầu vốn tự có tối thiểu cho mục tiêu phát triển giai đoạn 2007 - 2020.	115
3.1.2. Quản lý quá trình tăng trưởng vốn tự có trung bình đối với các NHTMCP TP.HCM.	118
3.1.3. Mục tiêu phát triển vốn tự có đối với các NHTMCP TP.HCM.	124
3.1.4. Nguyên tắc phát triển vốn tự có đối với các NHTMCP TP.HCM.	124
3.1.5. Định hướng đổi mới quản lý vốn tự có đối với các NHTMCP TP.HCM.	126
<b>3.2. GIẢI PHÁP ĐỔI MỚI QUẢN LÝ VỐN TỰ CÓ ĐỐI VỚI CÁC NHTMCP TP.HCM.</b>	127
3.2.1. Sửa đổi thể chế, xác định mô hình và định vị thị trường mục tiêu.	127
3.2.2. Đổi mới cơ chế quản trị rủi ro theo công nghệ quản trị hiện đại.	132
3.2.3. Đổi mới cơ chế quản lý an toàn vốn phù hợp với yêu cầu của BIS.	141
3.2.4. Tái cấu trúc sở hữu vốn cổ phần theo hướng bền vững.	153
<b>3.3. GIẢI PHÁP ĐỐI VỚI CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ, GIÁM SÁT AN TOÀN VỐN TỰ CÓ.</b>	161
3.3.1. Đổi mới cơ chế chính sách giám sát, đánh giá an toàn vốn.	161
3.3.2. Mở rộng khung tỷ lệ đánh giá vốn tự có an toàn.	164
3.3.3. Áp dụng hệ thống chỉ tiêu đánh giá vốn tự có an toàn đa dạng.	166
3.3.4. Thực hiện cơ chế đa phân tầng trong quản lý, giám sát an toàn vốn.	168
3.3.5. Xây dựng chế độ kỷ luật an toàn vốn chặt chẽ, nghiêm minh.	169
3.3.6. Hoàn thiện cơ chế thanh tra, giám sát an toàn vốn.	171
<b>3.4. KIẾN NGHỊ GIẢI PHÁP HỖ TRỢ ĐỔI MỚI QUẢN LÝ VỐN TỰ CÓ.</b>	173
3.4.1. Kiến nghị với Nhà nước Việt Nam.	173
3.4.2. Kiến nghị với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.	176
3.4.3. Kiến nghị với UBND Thành phố Hồ Chí Minh.	180
<b>KẾT LUẬN CHƯƠNG 3</b>	182
<b>KẾT LUẬN</b>	183
<b>DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ</b>	
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO</b>	

## DANH MỤC CÁC KÝ HIỆU, CÁC TỪ VIẾT TẮT

NHTM	:	Ngân hàng thương mại
NHTMCP	:	Ngân hàng thương mại Cổ phần
NHTMNN	:	Ngân hàng thương mại Nhà nước
NHTMLD	:	Ngân hàng thương mại Liên doanh
NHTMNNg	:	Ngân hàng thương mại Nước ngoài
NHTP	:	Ngân hàng Thành phố
NHTMVN	:	Ngân hàng thương mại Việt Nam
NHNN	:	Ngân hàng Nhà nước
NHTTQT	:	Ngân hàng Phục vụ Thanh toán Quốc tế (BIS)
NHTMTNc	:	Ngân hàng thương mại trong nước
TCTC, TCTD	:	Tổ chức Tài chính, Tổ chức Tín dụng
HTXTD	:	Hợp tác xã Tín dụng.
DNNN	:	Doanh nghiệp Nhà nước
DNNNg	:	Doanh nghiệp Nước ngoài
DNCP	:	Doanh nghiệp Cổ phần
DNTN	:	Doanh nghiệp Tư nhân
DNVVN	:	Doanh nghiệp vừa và nhỏ
HĐKD	:	Hoạt động kinh doanh
HĐLS, HĐGD	:	Hợp đồng lãi suất, Hợp đồng giao dịch
HĐQT	:	Hội đồng quản trị.
KTTĐPN	:	Kinh tế trọng điểm Phía Nam
Vốn Csh	:	Vốn chủ sở hữu
DTBS VDL	:	Dự trữ Bổ sung Vốn điều lệ
TSC, TSN	:	Tài sản Có, Tài sản Nợ.
CPHĐ	:	Chi phí Hoạt động
BCĐTS	:	Bảng Cân đối Tài sản.
KNTT	:	Khả năng Thanh toán
CV TDH	:	Cho vay Trung Dài hạn
TP, CP	:	Trái phiếu, Cổ phiếu
ADB, WB, WTO,....:	:	Tên viết tắt thông dụng của các tổ chức tài chính quốc tế

## DANH MỤC CÁC BẢNG

	Trang
Bảng (1.1) : Tỷ lệ nắm giữ Sở hữu Cổ phần của các NHNNg ở các nước Asean	59
Bảng (1.2) : Tỷ lệ nắm giữ tổng Tài sản có của các NHNNg ở các nước Asean	59
Bảng (1.3) : Số lượng các NHNNg và NHTMTNc ở các nước Asean	59
Bảng (2.1) : Cơ cấu vốn điều lệ của các NHTM tại Việt Nam tính đến 31/12/2006.	69
Bảng (2.2) : Cơ cấu nắm giữ Nguồn tài chính các NHTM TP.HCM tính đến 31/12/2006	71
Bảng (2.3) : Tăng trưởng Hoạt động của các NHTM TP.HCM năm 06/05.	72
Bảng (2.4) : Biến động Hệ số Hoạt động của các NHTM TP.HCM năm 06/05	72
Bảng (2.5) : Cơ cấu Vốn và các Quỹ của các NHTM TP.HCM tính đến 31/12/06	73
Bảng (2.6) : Tình hình an toàn Vốn của các NHTM TP.HCM tính đến 31/12/06.	75
Bảng (2.7) : Khả năng Thanh toán của các NHTM TP.HCM tính đến 31/12/06.	76
Bảng (2.8) : Cơ cấu Dư nợ của các NHTM TP.HCM tính đến 31/12/06.	78
Bảng (2.9) : Cơ cấu Nguồn thu của các NHTM TP.HCM năm 2006.	79
Bảng (2.10): Kết quả Tài chính của các NHTM TP.HCM năm 2006.	80
Bảng (2.11): Cơ cấu Sử dụng Chi phí của các NHTM TP.HCM năm 2006.	81
Bảng (2.12): Tình hình Phát triển theo Quy mô vốn của các NHTMCP TP.HCM.	85
Bảng (2.13): Mạng lưới Hoạt động của các NHTMCP TP.HCM tính đến 31/12/06.	88
Bảng (2.14): Xếp loại Chất lượng hoạt động các NHTMCP TP.HCM từ 02-05	88
Bảng (2.15): Tình hình Sáp nhập, Hợp nhất các NHTMCP TP.HCM từ 97 - 06.	89
Bảng (2.16): Tình hình bán Cổ phần cho các Đối tác Chiến lược nước ngoài	90
Bảng (2.17) : Phân tích Tình hình tăng trưởng và Cơ cấu Vốn các NHTMCP TP.HCM	91
Bảng (2.18): Tỷ lệ cấu phần VTC/TSC rr của 5 NHTMCP dẫn đầu tại TP.HCM	92
Bảng (2.19): Phân tích tình hình Trích lập dự phòng tại các NHTMCP TP.HCM	94
Bảng (2.20): Biến động Cơ cấu Tài sản sinh lợi/TSC của các NHTMCP TP.HCM	95

Bảng (2.21): Biến động Cơ cấu Vốn huy động các NHTMCP TP.HCM từ 02-06	96
Bảng (2.22): Tình hình Đảm bảo Khả năng Chi trả của các NHTMCP TP.HCM	97
Bảng (2.23): Phân tích Chung tình hình Tài chính của các NHTMCP TP.HCM	98
Bảng (2.24): Biến động Hệ số tài chính của các NHTMCP TP.HCM từ 03 - 06	99
Bảng (3.1) : Dự đoán Nhu cầu Vốn tối thiểu cho HĐNH từ năm 2007 -2015	116
Bảng (3.2) : Xác định Mục tiêu quá trình tăng trưởng VTC trung bình cho các NHTMCP TP.HCM từ năm 2007 - 2010.	119
Bảng (3.3) : Dự kiến Kế hoạch Tài chính tổng thể theo các mục tiêu hoạt động trung bình cho các NHTMCP TP.HCM từ năm 2007 - 2010.	121
Bảng (3.4) : Dự kiến Nhu cầu bổ sung VTC trung bình từ các nguồn nội lực cho các NHTMCP TP.HCM từ năm 2007 - 2010.	122
Bảng (3.5) : Dự kiến Nhu cầu bổ sung VTC trung bình từ các nguồn vốn bên ngoài cho các NHTMCP TP.HCM từ năm 2007 - 2010.	123
Bảng (3.6) : Mô phỏng Kỹ thuật hoán đổi Vốn theo phương pháp tỷ trọng rủi ro	149
Bảng (3.7) : Mô phỏng Kỹ thuật hoán đổi Lãi suất TSC rủi ro theo SWAP	152

## DANH MỤC CÁC BIỂU

	Trang
Biểu (1.1) : Quy định về Tỷ lệ Vốn tối thiểu của Basel I.	24
Biểu (1.2) : Quy định chi tiết áp dụng Tỷ lệ Vốn tối thiểu của Basel I.	24
Biểu (1.3) : Xác định các Chỉ tiêu Sinh lợi theo Hệ số ROIF và ROFL.	43
Biểu (1.4) : Phân tích tác động của Đòn cân nợ và Mức sinh lợi đến ROFL.	43
Biểu (1.5) : Quy định Tỷ lệ Vốn tự có tối thiểu đối với các NHTM tại Hoa Kỳ.	62
Biểu (1.6) : Bảng đánh giá điểm số Vốn an toàn tại các NHTM Hoa Kỳ.	62
Biểu (2.1) : Phân tích Phương pháp xác định Vốn tự có để tính Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo cách tính cũ và mới.	100
Biểu (2.2) : Phân tích Phương pháp xác định rủi ro nội bảng theo cách tính cũ và mới.	101
Biểu (2.3) : Phân tích Phương pháp xác định rủi ro ngoại bảng theo cách tính cũ và mới.	102
Biểu (2.4) : Phân tích Phương pháp xác định Hợp đồng giao dịch lãi suất, Hợp đồng giao dịch ngoại tệ theo cách tính cũ và mới.	102
Biểu (2.5) : Phân tích chung hiệu quả của Phương pháp xác định Vốn tự có an toàn tối thiểu theo cách tính cũ và mới.	103
Biểu (3.1) : Dự kiến Hệ thống khung Tỷ lệ đánh giá Vốn tự có an toàn.	165

## **DANH MỤC CÁC HÌNH MINH HOẠ**

	Trang
Hình (1.1) : Mô hình quản lý Vốn tự có tổng quát.	37
Hình (1.2) : Mô hình quản lý Vốn tự có truyền thống.	38
Hình (1.3) : Mô hình quản lý Vốn tự có theo Hệ số ROIF và ROFL.	42
Hình (1.4) : Mô hình xu thế phát triển hoạt động của các NHTM.	56
Hình (2.1a): So sánh Tỷ lệ Vốn điều lệ bình quân giữa các NHTM.	69
Hình (2.1b): So sánh Mức Vốn điều lệ bình quân giữa các NHTM.	70
Hình (2.2) : Tỷ lệ nắm giữ các nguồn tài chính của các NHTM TPHCM.	71
Hình (2.3) : So sánh Hệ số Tài sản có/Vốn chủ sở hữu của các NHTM TPHCM.	72
Hình (2.4) : So sánh Cấu trúc Vốn tự có giữa 5 NHTMCP dẫn đầu và NHNNg.	74
Hình (2.5) : So sánh Chất lượng Tín dụng giữa các NHTM tại TP.HCM.	75
Hình (2.6) : So sánh Khả năng Thanh khoản giữa các NHTM tại TP.HCM.	77
Hình (2.7) : So sánh Cơ cấu nguồn thu giữa 5 NHTMCP dẫn đầu và NHNNg.	79
Hình (2.8) : So sánh Cơ cấu Chi phí giữa 5 NHTMCP dẫn đầu và NHNNg.	82
Hình (2.9) : Cơ cấu Sử dụng vốn của các NHTMCP TP.HCM năm 2006.	95
Hình (2.10): So sánh Cơ cấu Vốn huy động các NHTMCP TP.HCM năm 05-06.	96

## **DANH MỤC CÁC CÔNG THỨC TÍNH TOÁN**

	Trang
Phương trình (1.1) : Các Chỉ tiêu xác định Vốn tự có đầy đủ của Ủy ban Basel.	27
Phương trình (1.2) : Mô hình quản lý Vốn truyền thống.	38
Phương trình (1.3) : Mô hình xác định Hệ số ROIF và ROFL.	41
Phương trình (1.4) : Mô hình tổng hợp Hệ số ROIF và ROFL.	42
Phương trình (1.5) : Mô hình tăng trưởng Tích sản.	45
Phương trình (1.6) : Mô hình tổng hợp Hệ số ROA và ROE.	45

## MỞ ĐẦU

### I. TÍNH CẤP THIẾT CỦA ĐỀ TÀI.

Trong nền kinh tế thị trường, vốn tự có là cơ sở hình thành pháp lý kinh doanh cho các doanh nghiệp, đồng thời cũng là yếu tố tài chính quan trọng nhất trong việc đảm bảo các khoản nợ đối với khách hàng. Trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, vốn tự có còn là yếu tố có ý nghĩa quyết định sống còn đến sự hình thành và phát triển lâu dài của ngân hàng.

Duy trì quy mô vốn tự có hợp lý, đảm bảo khả năng tăng trưởng vốn tự có mạnh mẽ phù hợp với chiến lược phát triển có ảnh hưởng rất lớn đến năng lực tài chính của ngân hàng. Nói khác đi, khi vốn tự có của ngân hàng được quản lý hữu hiệu theo công nghệ hiện đại bằng những tiêu chuẩn an toàn tiên tiến thì năng lực tài chính của ngân hàng sẽ được nâng lên nhiều lần. Năng lực tài chính cao và lành mạnh là điều kiện cơ bản để ngân hàng mở rộng khả năng huy động vốn, tăng cường năng lực cạnh tranh, tăng cường khả năng tự bảo vệ trước các rủi ro và phát triển ổn định, bền vững.

Tuy nhiên, một trong số những điểm yếu của hệ thống NHTMCP Việt Nam hiện nay đó là quy mô vốn tự có quá thấp và trình độ quản lý an toàn vốn vẫn còn quá yếu kém. Điểm yếu này đã và đang có những ảnh hưởng xấu đến khả năng cạnh tranh, uy tín, vị thế và mức độ an toàn trong kinh doanh của các NHTMCP. Khắc phục điểm yếu này càng có ý nghĩa quan trọng hơn khi Việt Nam đang đứng trước ngưỡng cửa hội nhập kinh tế toàn cầu. Vấn đề đặt ra là làm thế nào để các NHTMCP có đủ khả năng để chống đỡ với những áp lực cạnh tranh từ sự “đổ bộ” của các NHNNg, và vượt qua những ràng buộc khắt khe bởi

các đạo luật giám sát an toàn vốn ở đẳng cấp cao của cơ quan giám sát ngân hàng quốc tế mà vẫn đạt được các mục tiêu sinh lợi của mình.

Mặc dầu, các quy định về an toàn vốn tự có trong hoạt động kinh doanh ngân hàng ở Việt Nam gần đây đã được cải thiện theo các quy định của quốc tế, nhưng các NHTMCP vẫn chưa thể thực thi được do còn có quá nhiều yếu kém về trình độ, công nghệ, chuẩn mực và điều kiện pháp lý. Mặt khác trong quá trình triển khai, nhiều bất cập giữa các ngân hàng đã phát sinh, nhiều vấn đề khó khăn đặt ra,...

Nhằm giúp các NHTMCP TP.HCM nhanh chóng hiện đại hóa, phù hợp với sự phát triển của các chuẩn mực quốc tế về an toàn vốn và thực tiễn của Việt Nam, qua đó đẩy mạnh tăng trưởng, mở rộng khả năng sinh lợi, từng bước xác lập được vị thế cạnh tranh bền vững trên thị trường trong nước và quốc tế, tác giả đã chọn đề tài “Đổi mới quản lý vốn tự có tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh cho các NHTMCP TP.HCM” để thực hiện luận án tiến sĩ của mình.

## **II. MỤC ĐÍCH NGHIÊN CỨU.**

Mục đích nghiên cứu của luận án nhằm làm sáng tỏ các luận cứ khoa học cả về lý luận và thực tiễn quản lý vốn tự có trong hoạt động kinh doanh ngân hàng. Khảo cứu thực trạng quản lý vốn tự có và đề xuất hệ thống các giải pháp đổi mới toàn diện quản lý vốn tự có phù hợp với yêu cầu chuẩn hóa an toàn vốn trong hoạt động kinh doanh ngân hàng quốc tế, tạo điều kiện để các NHTMCP TP.HCM phát triển hiệu quả, ổn định và bền vững.

## **III. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI NGHIÊN CỨU.**

Đối tượng nghiên cứu của luận án là hệ thống lý luận về quản lý vốn tự có, hệ thống pháp luật, hệ thống các chuẩn mực đánh giá, giám sát an toàn vốn tự có. Trọng tâm nghiên cứu là các vấn đề về kỹ năng quản trị vốn tự có của các NHTM và phương thức quản lý vốn của cơ quan giám sát ngân hàng theo yêu cầu quản lý an toàn vốn tự có hiện đại của BIS,... tại các NHTMCP TP.HCM.

#### **IV. PHƯƠNG PHÁP TỔ CHỨC NGHIÊN CỨU.**

Luận án sử dụng tổng hợp các phương pháp nghiên cứu khoa học kết hợp với các phương pháp thống kê, so sánh, xử lý hệ thống, mô hình hoá kinh tế vĩ mô, có đối chứng với các phương pháp nghiên cứu khoa học khác. Luận án đã tiếp thu ý kiến phản biện của nhiều chuyên gia, cán bộ quản lý, điều hành có liên quan để hoàn thiện các giải pháp.

#### **V. NHỮNG ĐIỂM MỚI CỦA LUẬN ÁN.**

- Sửa đổi thể chế quyền sở hữu vốn cổ phần phù hợp với những đổi mới từ Luật Doanh nghiệp. Phát triển hoạt động của ngân hàng theo mô hình tập đoàn tài chính đa năng, định vị lại thị trường mục tiêu;
- Đổi mới cơ cấu vốn tự có an toàn, xây dựng chiến lược tái cấu trúc sở hữu vốn cổ phần bền vững; Đổi mới chương trình, nội dung, cơ chế, chính sách quản lý, giám sát, đánh giá an toàn vốn phù hợp với yêu cầu phát triển của nền kinh tế và lộ trình thực hiện các cam kết quốc tế;
- Đổi mới quản lý, đánh giá vốn tự có an toàn theo hướng mở rộng khung tỷ lệ theo khả năng đáp ứng vốn và mức độ rủi ro, áp dụng hệ thống chỉ tiêu đa dạng có điều kiện, thực hiện cơ chế quản lý đa phân tầng.

Ngoài phần mở đầu và kết luận, luận án dài 184 trang, với 12 Biểu; 34 Bảng; 15 Hình minh hoạ, 6 phương trình. Nội dung chính của luận án được thể hiện ở ba chương (I, II và III).